

DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

QUYỂN 7

PHẨM: THĂM BỆNH

(Phần 2)

Phần bốn, Chánh nói thăm bệnh: “Thả trí...” . Từ trên đã luận về cách tương kiến giữa chủ khách, không phải là ý chánh. Thần trí ngang sức biện luận vô cùng bày tỏ ý Phật, nên nói “gá lại việc này”. Văn có hai:

1) Trình bày ý Phật.

Vốn rất tôn trọng ý chỉ Phật nên cần nói trước, kể thăm hỏi cận kề việc Đại sĩ thâm ý giả bệnh để mở bày lợi ích cho mọi người, nên tự kể ý mình, nếu chỉ nói ý chỉ Phật thì các Thanh văn Bồ-tát không cần phải từ chối, nhưng đây là nghĩa đối với người giỏi thăm hỏi bệnh, đối đáp qua lại là việc khó, người khác không kham được, ý là ở đây. Nên ngài Văn-thù tiếp đó nói ý mình.

Nói lệnh Phật có hai:

a) Chánh tuyên chỉ.

b) Chung nói ý Phật.

Phần tuyên chỉ có ba câu là ba phần: -Câu đầu nói: Bệnh ấy có thể chịu được chăng? Ngài Tịnh Danh vốn pháp thân không bệnh, không nhãn nào chẳng chịu, đã là chúng sinh lại căn cứ ở chúng sinh mà luận về nhãn và không nhãn. Nhưng Phật ở đời tích đồng thế gian, nên có việc thăm hỏi.

Như trong Tỳ-ni, Phật cũng thăm hỏi an ủi các Tỳ-kheo rằng: “Đi đường có mệt nhọc chăng, khát thực có dễ dàng chăng?”

Lại như trong Đại phẩm chư Phật cũng thăm hỏi nhau: “Có ít bệnh nào chăng... Trí Độ luận giải thích đây đều có thâm ý. Nay Phật hỏi ngài Tịnh Danh: Có thể chịu được chăng, là ngài Tịnh Danh vì chúng sinh mà bệnh, chúng sinh không đồng, vậy chịu được hay không chịu được? Như người tuy bệnh mà còn bước đi được, ấy là chịu được, hoặc

có bệnh khổ mà đi đứng không được, ấy là Không chịu được. Nay cũng căn cứ vào bốn cõi nước:

1. Nói về Đồng cư uế tịnh: bệnh của cõi uế là các nghiệp trong sáu đường, mười ác, bốn trọng tội... là nhân bệnh ba ác, còn quả khổ tam đồ là quả bệnh. Đây là bệnh nặng, là tướng không thể chịu được. Nếu mười thiện là bệnh nhân của trời, người, A-tu-la, thì tám khổ, năm suy... là quả bệnh. Khổ này nhỏ, là tướng chịu được. Lại còn, quả bệnh ở cõi Đồng cư uế có một mà nhân bệnh có chín thứ không đồng, đó là sáu đạo và ba thừa. Nếu có nhân bệnh sáu đạo, mà không có căn tánh ba thừa, là tướng không chịu được. Nếu có căn tánh ba thừa, tức là chịu được. Lại nữa, phạm phu tu hạnh ba thừa, căn có lợi độn, nên ngăn cản có nhẹ nặng. Căn lợi ngăn cản nhẹ là bệnh chịu được, còn độn căn ngăn cản nặng là bệnh không chịu được. Lại còn, ba thừa tiến hành đoạn kết. Nếu đoạn kết là nhẹ thì chịu được, nếu chưa đoạn là nặng, là Không chịu được. Ngài Tịnh Danh bệnh quyền nên đều đồng. Nói về Đồng cư thanh tịnh là trừ bốn ác thú, chỉ xét về trời, người còn ba thừa giống như trên.

2. Nói về cõi Hữu dư, không có khổ phần đoạn, thì nói chung là chịu được, chỉ có hình tướng thô tế thôi. Hàng Nhị thừa và Bồ-tát Thông giáo sinh về cõi ấy, là độn căn là Không chịu được. Còn Bồ-tát Biệt, Viên sinh vào cõi ấy là lợi căn, là chịu được. Quyền đồng cũng thế.

3. Nói về cõi quả báo, các Bồ-tát ấy đều là pháp thân không khác ba thừa, tuy có vô minh tự thể, nhưng bệnh nhân quả đều chịu được, quyền đồng cũng thế. Như địa vị và hình tướng không phải là Không chịu được, chỉ không như cõi Hữu dư trước đồng có tướng ấy.

4. Nói về cõi Thường tịch quang là cõi cao tột, các ác dứt hẳn, các thiện khắp cùng, không bệnh, không nã, không có bệnh quyền hay thật, chịu được hay không chịu được khác nhau. Phật chỉ một câu thăm hỏi ngài Tịnh Danh mà rộng lớn sâu xa khó nói hết.

Hỏi: Trên nói cõi Tịch quang có bệnh, nay sao nói là Không?

Đáp: Không nhất định, chỉ theo Thánh giáo. Giáo nói có là có, nói không là Không. Nay căn cứ vào cõi cao tột thì không có bệnh thật.

- Câu hai: trị bệnh có bất chướng? Trị bệnh có bất chướng là thế gian có bệnh ắt phải dùng thuốc để trị. Đã vì chúng sinh khổ, nếu trị chúng sinh tức là trị ngài Tịnh Danh. Nhưng bệnh của chúng sinh có ba thứ không đồng, tức là kiến, tư và vô minh vô tri. Ba bệnh này gốc của tất cả bệnh nhân quả nội ngoại giới. Dùng ba quán mà trị thì ba bệnh đều hết, điều này đã nói trong ba quán, đầy đủ trong huyền nghĩa. Khi giải

thích văn sau sẽ thấy rõ. Cũng nói về bốn cõi:

1. Cõi Đồng cư: Từ Giả vào Không chính là trị bệnh kiến tư ở Đồng cư.

2. Từ không vào Giả chính là trị bệnh hằng sa Hữu dư, phụ trị vô tri ở Đồng cư.

3. Trung đạo chánh quán, chính là trị vô minh hữu dư, quả báo. Bồ-tát lợi căn phụ trị kiến tư vô tri ở Đồng cư, cũng phụ trị vô tri ở Hữu dư. Cõi Tịch quang thì không có bệnh để trị, nay nói trị ở cõi Đồng cư. Trong Đại Luận có nêu bốn trường hợp: Một là căn độn chướng nặng, tức là phàm phu căn độn, cấu phiền não nặng không thể trị. Hai là độn căn chướng nhẹ, như ngài Châu-bàn-đặc trong suốt mùa hạ chỉ tụng một bài kệ mà phát chân, thành Đại A-la-hán. Ba là căn lợi chướng nặng, như Ương-quật-ma-la, một ngày giết chín trăm chín mươi chín người, nhưng vì căn lợi, chướng không thể ngăn cản, nên thấy Phật liền ngộ. Bốn là căn lợi chướng nhẹ, như Xá-lợi-phất nghe A-thấp nói một bài kệ về ba đế liền chứng được sơ quả. Ngài Tịnh Danh đồng với những bệnh này khó trị và dễ trị. Như trong bốn trường hợp thì Châu-bàn-đặc và Thân Tử là bệnh dễ trị giảm bớt. Nếu đến cõi Hữu dư thì không có việc trị giảm bệnh. Nếu hình tướng ba thừa cũng phân biệt ba thứ có giảm bớt. Bệnh quyền cũng thế, nếu vào cõi quả báo bình đẳng pháp giới thì đây là lợi căn có một chướng vô minh. Xét quyền vị mà luận nhẹ nặng không có chướng ngăn riêng thì chỉ có một trường hợp giảm bệnh. Nếu xét về Sơ tâm nghiệp đời trước hoặc có hai trường hợp phân biệt không có độn căn. Bệnh quyền cũng thế.

4. Cõi Thường tịch quang là địa cao tột tịch nhiên không có những phân biệt này.

Kế đến câu thứ ba. Phật hỏi rằng: Bệnh trệ đều giảm không tăng chứ? Đây là ý hỏi như người đời bệnh đủ bốn thứ:

1. Từ lúc đầu uống thuốc, nhưng bệnh chỉ tăng mà không giảm, trọn không chữa được bệnh đó, gọi là tăng tăng.

2. Tuy lúc nguy khốn mà dốc lòng tìm thuốc chữa trị và bệnh lành, đó gọi là có tăng giảm.

3. Tuy lúc đầu có uống thuốc bệnh có tạm giảm, nhưng sau lại tăng, gọi là giảm tăng.

4. Từ đầu bệnh tạm giảm cho đến bình phục, đó gọi là giảm giảm.

Ngài Tịnh Danh ứng hiện sinh vào cõi Đồng cư, nói mười hai bộ kinh, trị bệnh cho chúng sinh, cũng có bốn căn duyên.

1. Tăng tăng tức là hạng phàm phu thấp kém nhất. Nếu vì họ thuyết pháp thì họ liền khởi tội bài báng không tin, như Thiện Tinh, Điều-đạt...

2. Tăng giảm như Thi-lợi-cúc-đa, Ương-quật...

3. Giảm tăng. Như Đại Luận nói: Bốn thiên của Tỳ-kheo đó là bốn quả. Khi lâm chung thấy chỗ sinh chê không phải là Niết-bàn, liền đọa vào địa ngục. Lại Tỳ-đàm, Thành Thật nói người thoái pháp đều có tướng này.

4. Giảm giảm, tức là các người được đọa như Thân Tử...

Ngài Tịnh Danh ở Đồng cư bệnh quyền cũng thế. Về cõi Hữu dư, có ba thứ, không có tăng tăng. Đã được vị bất thoái, thì không sinh vào ba cõi, nhưng ba thừa sinh vào cõi ấy có lợi có độn. Căn cứ ở hạnh thoái niệm thoái cũng có ba thứ, về bệnh quyền cũng thế. Nếu xét theo cõi quả báo đều là niệm bất thoái, tâm luôn vắng lặng, tự nhiên lưu nhập, thì đều là giảm giảm. Nếu căn cứ nghĩa xuất nhập quán, thì có ba trường hợp, bệnh quyền cũng thế. Về cõi Thường tịch quang tột cao rộng rang, không có bệnh tật. Ngài Tịnh Danh đồng bệnh quyền với ba cõi trước. Về trị bệnh thật có giảm mà không tăng. Ngài Tịnh Danh cũng thế, nên khi thăm hỏi nói “bệnh không tăng chứ?”

Từ câu “Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi vô lượng”... trở xuống là Văn-thù tuyên chung ý Phật thăm hỏi. Nói thăm hỏi vô lượng là bệnh thật ở ba cõi, khắp mười phương pháp giới nhiều vô lượng. Ngài Tịnh Danh từ bi nghĩ nhớ hiện vô lượng bệnh quyền, nên khiến Như Lai thăm hỏi vô lượng. Chỉ kể có ba câu, đây là biểu thị các câu hỏi đầu, có thể có nhiều câu, nhưng dịch giả đã lược bỏ hoặc kinh không nêu, giống như năm trăm và tám ngàn người ai cũng kể việc chê trách, nhưng lược bỏ không nêu, hoặc chỉ nói chung là vô lượng, đủ biểu thị ý Phật, không cần phải nói nhiều.

2) Văn-thù tự nói ý mình Từ câu “Cư sĩ...” là. Việc vâng lời Phật thăm bệnh để hỏi là ý ở đây. Văn có hai:

Một là, Hỏi bệnh quyền trong quả.

Hai là, Hỏi bệnh thật trong nhân.

Do hỏi quyền, nên ngài Tịnh Danh nói ra phẩm Bất Tư nghị. Do hỏi thật, nên ngài Tịnh Danh nói bốn phẩm Quán Chúng Sinh... Đến văn sẽ thấy rõ.

Văn Hỏi bệnh quyền trong quả có ba phần:

a) Từ Cư sĩ bệnh này nhân đâu mà khởi trở đi, là hỏi nhân khởi bệnh quả. Đại sĩ quả địa pháp thân thanh tịnh nhất định, không có mọi

bệnh hoạn, mà nay hiện có bệnh, do đâu mà khởi.

b) Từ “thất này vì sao trống không và không có thị giả...”, là hỏi Đại sĩ pháp thân y báo quyền thuộc nay ở đâu, mà chỉ thấy thất trống.

c) Từ “bệnh này có những tướng gì ...”, là hỏi bệnh đồng ứng thân lấy gì làm tướng, là đồng pháp thân hay đồng với phàm phu, nên hỏi tướng mạo nó.

Phần a, có hai: Một là Văn Thù hỏi, hai là Tịnh danh đáp.

Phần Văn thù hỏi có ba: Hỏi bệnh do đâu khởi. Hỏi bệnh mới hay đã lâu. Hỏi cách làm hết bệnh.

- Hỏi bệnh do đâu khởi, là nếu quả địa pháp thân thì có bệnh nào gì mà nay bỗng nói có bệnh là do đâu mà khởi. Kế hỏi bệnh đã lâu chưa. Pháp thân vốn không bệnh, đã có bệnh quyền thì có từ lúc nào? Sau là hỏi làm sao hết bệnh. Nếu vì chúng sinh, nay chúng sinh trong các cõi nước mười phương vô tận. Quyền thì không thể diệt, bệnh này làm sao diệt được? Văn-thù có ba câu hỏi đại ý là thế.

Phần Tịnh Danh đáp “Duy-ma...” trở xuống có hai phần trước và sau: Trước trả lời hai câu hỏi sau, sau trả lời một câu hỏi trước:

Sở dĩ hỏi đáp có trước sau là có ý. Ngài Văn-thù hỏi, có ý muốn khiến chúng sinh biết từ bốn khởi tích. Ngài Tịnh Danh đáp, có ý muốn khiến chúng sinh tìm tích vào bốn. Cũng là hiển bày thành nghĩa tướng sinh diệt.

Phần đáp trước lại có ba ý:

- Đáp chung hai câu hỏi sau.

- Giải thích.

- Thí dụ để chỉ rõ.

Ý một Đáp chung gồm hai: Trước đáp câu hỏi: Bệnh mới hay đã lâu. Sau đáp câu hỏi. Làm sao dứt bệnh.

Đáp câu hỏi bệnh sinh đã lâu mau? Từ si hữu ái thì bệnh tôi sinh, bệnh ấy lâu mau đều do chúng sinh mười hai nhân duyên mà sinh. Ngài Tịnh Danh bệnh quyền đồng với sự lâu mau ấy. Sở dĩ biết căn cứ nhân duyên mà đáp, là kinh Niết-bàn nói: Bồ mé gốc của sinh tử gồm hai thứ là vô minh và ái, ở khoảng giữa hai thứ ấy liền có sinh, lão, bệnh, tử. Vô minh là si ở quá khứ ái, là si ở hiện tại, hai đời cách nhau nên lập làm hai tên. Vô minh thối đắm hành khiến có thức... năm quả ở hiện tại. Ái thủ ở hiện tại thối đắm hữu, nên có sinh tử ở vị lai, nên có mười hai nhân duyên luân chuyển ở ba cõi, hai mươi lăm hữu có trải qua sinh tử nên có nhân bệnh và quả bệnh. Ngài Tịnh Danh, vì chúng sinh có si ái mà sinh ra pháp thân Đại sĩ, tức sinh bệnh quyền. Si ái của chúng

sinh từ sinh ra đến nay, không phải mới, thì bệnh quyền cũng thế. Đáp bệnh đã lâu mau, là ý ở đó. Lại nữa, ngài Tịnh Danh vì chúng sinh bệnh, đâu chỉ ở Đồng cư. Nếu bệnh hữu vi si ái sinh, thì bệnh quyền ất sinh, vô vi ở hữu dư cũng thế. Vì sao? Vì si ái ở Đồng cư hết, thì si ái ở hữu dư ất sinh. Vì mê Trung đạo, nhiễm Niết-bàn, nên si ái sinh. Ở khoảng giữa hai thứ đó, thì có nhân bệnh quả bệnh mười hai nhân duyên. Chỉ có biến dịch nhân duyên và phần đoạn là khác nhau. Phần đoạn thì lên xuống qua lại sáu nẻo, còn biến dịch thì không thế. Nhưng ước vào ái có mà sinh tử. Ái diệt rồi liền sinh lên Thượng địa, trọn không thoái lui mà sinh vào Hạ địa. Vì sao? Vì ở tam giới nhận thô. Suy ra như Na-hàm, thân cõi Dục tu được Sơ thiên, ở Sơ thiên chết rồi liền sinh lên Nhị thiên, trọn không sinh vào cõi Dục mà lui sụt vào Sơ thiên. Thánh nhân nội giới cũng thế, hưởng là ngoại giới mà lại sinh vào phần đoạn và nhận thô biến dịch. Nếu chúng sinh biến dịch có thứ si ái này, thì ngài Tịnh Danh đại bi liền sinh bệnh si ái. Đó là đáp lời việc bệnh sinh đã lâu mau. Nếu ở cõi quả báo thì vô minh chưa hết là si, nhiễm y chánh báo là ái, ở giữa hai thứ đó mà có bệnh nhân quả của tự thể sinh tử mười hai nhân duyên sinh ra. Nên kinh Thắng-man nói: Vô minh trụ địa sức rất lớn mạnh chỉ trí Bồ-đề của Phật mới đoạn dứt được. Nếu bệnh si ái ở cõi Hữu dư hết, thì bệnh si ái ở cõi quả báo sinh. Ngài Tịnh Danh pháp thân đại bi cũng đồng sinh bệnh. Đây cũng đáp lời về bệnh sinh lâu mau. Cõi Tịch quang cao tốt không thật có bệnh si ái nên không có bệnh quyền sinh ra lâu mau.

Hỏi: Nếu xét theo chúng sinh để nói ngài Tịnh Danh bệnh sinh lâu mau, mà si ái thì vô thì nên không lâu không mau, sao được lấy đây mà đáp lời hỏi ngài Văn-thù?

Đáp: Si ái của chúng sinh thì vô thì, không lâu không mau nên Vô duyên đại bi của ngài Tịnh Danh cũng thế. Luận về lâu mau, là dựa theo sự mà có, bởi vì quả địa đại bi tận nguồn cõi vẫn không có, nhưng tùy bệnh chúng sinh mà đồng thể, ấy là nhân đại bi mà có tên, có lâu mau. Văn nói: Từ vô trụ mà lập ra tất cả pháp, vô minh từ vô thì khởi hằng hà sa vô tri bốn điên đảo ngoại giới và bốn điên đảo nội giới. Ngài Tịnh Danh cùng duyên khởi cũng thế. Nếu theo lý thì bệnh sinh ở cõi quả báo là lâu, còn bệnh sinh ở cõi Đồng cư, Hữu dư là tạm mới. Nếu theo sự thì bệnh sinh ở cõi Đồng cư là lâu, ở cõi quả báo, Hữu dư là mới, như đoạn dứt hết các si ái ở Đồng cư thì ở cõi Hữu dư si ái mới sinh.

- Đáp câu hỏi làm sao hết bệnh? Từ “Nêu tất cả chúng sinh... bệnh ta hết”, nếu dùng ba quán bốn giáo, đoạn dứt si ái của chúng sinh ở ba

cõi, bệnh thật hết thì bệnh quyền của ngài Tịnh Danh cũng hết, nên nói bệnh ta hết. Vì sao? Vì ở cõi Đồng cư khởi bệnh nhân quả thì ngài Tịnh Danh cũng đồng ở cõi ấy mà nói bốn giáo, khiến tu ba quán. Nếu chúng sinh ở cõi ấy bệnh hết thì bệnh quyền của ngài Tịnh Danh cũng theo đó mà hết. Nếu chúng sinh ở cõi Hữu dư có bệnh nhân quả, thì ngài Tịnh Danh cũng bệnh quyền mà nói Biệt, Viên, khiến họ tu giả, trung. Nếu bệnh của chúng sinh ấy hết thì bệnh quyền của ngài Tịnh Danh cũng theo đó mà hết. Nếu chúng sinh ở cõi quả báo có bệnh nhân quả, thì ngài Tịnh Danh liền bệnh quyền, chỉ nói Viên, khiến họ tu trung quán, nếu bệnh của chúng sinh ấy các phần bốn mươi một phẩm đều hết, thì ngài Tịnh Danh cũng thế. Cõi Tịch quang cao tột trí đoạn viên cực, thì không còn gì để hết nữa. Lược đáp câu hỏi thứ ba đã xong. Nếu các sư không căn cứ hai cõi ngoại giới, để nói về quyền thật thì hai cõi ấy lẽ ra cũng không có vô minh. Nếu cõi ấy có vô minh thì ngài Tịnh Danh sao lại không quyền được?

Hỏi: Chúng sinh ở ba cõi, si ái không hết thì bệnh quyền của ngài Tịnh Danh sao hết được?

Đáp: Luận chung về bệnh quyền thì chúng sinh không hết, bệnh cũng không hết. Vả nay căn cứ vào một thời hạn về số chúng sinh có duyên được hóa độ ở ba cõi, nếu bệnh hóa duyên hết, thì bệnh quyền cũng hết.

Ý hai, giải thích việc đáp hai câu hỏi sau “sở dĩ... vô phục bệnh”. Có hai ý: Trước nói vì chúng sinh mà vào sinh tử, có sinh tử liền có ba bệnh sinh ra. Đây là giải thích việc đáp có bệnh quyền sinh ra lâu mau. Kế nói: Nếu chúng sinh lìa bệnh thì Bồ-tát không còn bệnh nữa, đây là giải thích đáp câu hỏi sau về lý do bệnh quyền được hết.

Ý ba Thí dụ làm sáng tỏ Từ “Thí như...”. Vãn có hai: Khai dụ và hợp dụ.

Khai dụ có hai: Khai dụ có bệnh. Khai dụ hết bệnh.

- Khai dụ có bệnh, lấy cha mẹ làm dụ, là Bồ-tát từ hai trí sinh đại bi trụ ở địa con một, tức là cha mẹ của chúng sinh. Tất cả chúng sinh đồng có tánh lý nên nói chỉ có một con. Nếu chúng sinh ở ba cõi có bệnh thật si ái thì pháp thân hai trí đại bi liền ứng sinh ở ba cõi, nên có bệnh quyền.

- Khai dụ hết bệnh, có thể tự hiểu.

Hợp dụ Từ “Bồ-tát... cũng hết”. Cũng có hai: Hợp dụ có bệnh quyền. Hợp dụ bệnh quyền hết. Như vãn.

Phần đáp sau Từ “Lại nói... Bi khởi” là trả lời câu hỏi đầu: bệnh

áo đầu khởi. Trên đây đã luận về sinh và hết của bệnh quyền, nay đáp về nguyên do có bệnh quyền. Nguyên do là do đại bi, tức do sức thiện căn Vô duyên từ bi của giải thoát bất tư nghị, nên thường hiện thân có bệnh để lợi ích chúng sinh ở ba cõi. Đây là vô tâm đối với vật. Đại kinh nói: Từ năm đầu ngón tay phóng ra năm con sư tử, Như Lai không khởi niệm mà voi thấy sư tử. Phải biết đều là do sức Từ thiện căn. Nay ngài Tịnh Danh do đại bi hun đúc tâm, hiện bệnh ở ba cõi cũng thế. Chúng sinh duyên và Pháp duyên thì không thể như thế. Nay ngài Tịnh Danh do Vô duyên đại bi, nên có thể hiện thân có bệnh ở ba cõi mà nói bốn giáo ba quán, như bỏ chất độc vào sữa cho đến đê hồ cũng có khả năng giết chết người. Bồ-tát đại bi cũng lại như thế. Tùy chỗ hiện thân mà đồng sự, lợi ích, các công năng đó không luống uổng. Nên Đại kinh nói: Từ tức Như Lai, Từ tức giải thoát, từ bi này đầy đủ tất cả Phật pháp, như nam châm hút sắt. Bi cũng như Từ.

Hỏi: Đá khác với hút hay hút khác với đá?

Đáp: Nếu đá khác với hút, thì đá không hút, còn hút khác với đá thì hút ở ngoài đá. Nay không thế, vì không một cũng không khác, tức là đá hút. Vô duyên từ bi tức là pháp thân, pháp thân tức là Vô duyên đại bi, luôn vắng lặng thanh tịnh, không nghĩ nhớ, không hút. Như gương vốn không có hình ảnh, tùy các duyên đối với gương mà hình ảnh hiện ra. Chúng sinh vốn tánh thanh tịnh, không có si ái. Bồ-tát pháp thân xưa nay vốn không bệnh, vì chúng sinh ở ba cõi có bệnh si ái khởi lên, nên Bồ-tát đại bi ở ba cõi liền có bệnh quyền, nên nói từ si có ái thì bệnh ta sinh.

Phần b) Ngài Văn-thù hỏi thất trống và không có thị giả từ câu “Văn-thù ...”. Văn có hai: Hỏi và đáp.

- Ngài Văn-thù hỏi. Ngài Văn-thù vào thấy thất trống liền biết có biểu thị việc thời chúng chưa ngộ, nay muốn hiển bày nghĩa Phật quốc nên hỏi tiếp. Đây là hỏi về cõi nước y báo là nơi chánh báo nương tựa, để khiến thời chúng biết Tịnh độ rất ráo là nơi pháp thân Đại sĩ nương tựa không có y báo quyền thuộc. Nếu ứng với vật, thì có y báo quyền thuộc, nên hỏi tiếp thất này vì sao trống không và không có thị giả. Câu hỏi này chính là khởi phát việc giúp thành Phật quốc đã nói ở phẩm Phật Quốc.

- Ngài Tịnh Danh đáp từ câu “Duy-ma...”. Văn có hai: Trước đáp thất trống. Kế đáp không có thị giả. Phần đáp thất trống có bảy lần đối đáp qua lại.

Lần một, đáp thất trống. Nói quốc độ chư Phật cũng đều không.

Đại sĩ khéo léo có nhiều cách biểu thị không phải một. Từ khi đến thất này việc bày biện, người hầu, đều nhằm biểu thị việc muốn nói các giáo Phương tiện về duyên tập chưa trừ thì chưa được hiển bày cõi nước thanh tịnh. Nay muốn chỉ rõ chân Tịnh độ không có các phiền lụy về phần đoạn, biến dịch y chánh, để dẫn nhập vào bốn quốc thường tịch, bốn tánh lý không rốt ráo. Nên dẹp bỏ các thứ, biểu thị cho giáo xả phương tiện mà nói có. Nay muốn mở bày Tịnh độ Chân không Tịch quang rốt ráo, nên đáp nói các quốc độ của chư Phật cũng đều không. Vì cái không đó đâu chỉ biểu thị cho tánh tịnh thường tịch trống không chẳng có chi vì tất cả các quốc độ cũng đều không. Nếu các quốc độ chẳng phải là Không, thì Tịch quang không khắp, mà đã khắp tất cả, thì ba cõi cũng đều không.

Hỏi: Có cõi Tịch quang riêng chăng?

Đáp: Không phải thế, chỉ có phần đoạn biến dịch tức là Thường tịch quang. Như ngài Loa Kế đã thấy uế tức là tịnh nên lại không riêng cầu. Nên nói thí như chư Thiên cùng có bát báu, nhưng cơm có sắc khác. Nói chư Thiên là biểu thị cho ba cõi, đều có y chánh. Chánh báo tức là thân, y báo tức là chỗ ở và các thứ tịnh diệu ngũ dục. Nói đều “không” tức biểu thị cho Thường tịch quang. Đây không có sự khác nhau của giới hạn cảnh vật y báo, cũng không có các loại chánh báo khác nhau, mà đồng nhập vào lý Chân không rốt ráo. Như thất trống này không có các vật cũng không có thị giả. Từ trước nay đối với phương tiện khách khứa mà bày trí mọi vật, nay các khách đã thành cơ rốt ráo không, giả sử ai chưa vào thì khiến vào, không bao lâu liền được chất cơm thơm, như nghe trống độc. Đến khi nghe Pháp Hoa thì tất cả đều vào. Thế nên thất trống chính là biểu thị việc này.

Lần hai, hỏi đáp “Lại hỏi... không không”. Hỏi lấy gì làm Không. Phần đoạn, biến dịch đều có y, chánh, sao lại khiến chúng cùng quy về một không? Lại kinh Thanh Văn nói: Có không Tam-muội, mười tám không của Đại thừa thì có không không, chưa biết lấy gì làm Không nên gọi là Không. Đáp rằng lấy không làm Không, nếu dựa theo cảnh trí, chung nói pháp Không. Như Đại kinh nói: Vì không không nên là Không. Cũng vì Bồ-tát tu không, nên là Không. Như muối có tánh mặn, khiến khác các vật mặn, nên nói lấy không làm Không. Nay nói nếu mê ý giáo, chỉ chạy theo lời nói, mà nói không không, thì không là vô cùng không khởi rơi vào hý luận. Việc Tạng Thông nói chỉ là Không không của nội giới. Nay ở Trung đạo mà chánh quán thì hay không sinh tử, mà cũng rỗng không cả Niết-bàn, nên nói là Không Không. Nếu rỗng

không sinh tử tức là Đồng cư không, nếu không Niết-bàn tức là Biến dịch Không, nên nói lấy Không làm Không. Vì sao? Vì nội giới đóng khối cũng còn là Không, huống là quả báo ngoại giới rất tế diệu, mà chẳng không ư? Lấy đây mà suy, thì thất trống là biểu thị cho các Phật quốc đều không, tức biểu thị các cõi nước là Tịch quang vậy.

Lần ba, hỏi đáp “Lại hỏi... nên là Không”. Sở dĩ lại hỏi thêm “Đã Không, cần gì phải Không?”, là nếu pháp vốn xưa nay tự không, thì cần gì đợi tu mới Không. Nếu cho tu mới không, thì bản tánh của Không chẳng là Không. Lại nếu quán phần đoạn, từ Giả vào Không, không tức chân đế, đâu cần lại không. Nếu cần lại không, thì phải biết là có, nên hỏi đã không cần gì phải Không? Đáp rằng: Vì không phân biệt không nên không. Nếu ở bản tánh, thì lý không là một, nhưng học phương tiện Nhị thừa Bồ-tát còn phân biệt chấp Không, chưa hiểu được Chân không. Nếu bỏ trí chướng phân biệt hai đế, liền hiểu lý Trung đạo Chân không. Nên nói vì không phân biệt không nên không. Lại nữa, nếu phân biệt tục là có thật không, phá tục vào chân, thì sinh tử Niết-bàn là hai, gọi là phân biệt. Chỉ được cái đản không mà không được cái “Không chẳng thể được.” Nếu thể nó không phải tục không phải chân, tức không có sinh tử Niết-bàn khác nhau, há là có trí chướng để bỏ ư? Không có sinh tử tức là đản không, không có Niết-bàn tức là cái “Không chẳng thể được”, đó gọi là vì Không nên Không. Nếu biết vô phân biệt là Không, thì không có nội ngoại giới để phân biệt, tức là Thường tịch quang chân cực Tịnh độ.

Lần bốn hỏi đáp “Lại hỏi... cũng không”. Ngài Văn-thù hỏi ý này là ngầm vấn nạn rằng: Nếu phân biệt chẳng phải là Không thì vô phân biệt là Không, sao được nói không. Nếu nói là Không, thì đâu không phải là phân biệt. Nếu dùng phương tiện Nhị thừa phân biệt Bồ-tát chấp Không thì đều chẳng phải Không, nay sao được bỏ phân biệt không, mà chấp chẳng phân biệt mới là Không. Nếu có lấy bỏ không phân biệt, lại thành phân biệt. Đã thành phân biệt thì không phải Không nữa. Nếu là Không thì không cần phân biệt, nên hỏi nói là Không mà có thể phân biệt ư? Ngài Tịnh Danh đáp nói phân biệt cũng không. Lý Không này, bản tánh tự không mà đối sinh phân biệt, chỉ phân biệt này chưa từng có. Tuy lại có các thứ nhớ tưởng phân biệt mà phân biệt tức không, nếu tánh tự không tại sao tu không mới thấy Không. Nếu cảnh sở quán phân biệt tức không, không phân biệt thì năng quán cũng thế. Nếu trí năng quán phân biệt chẳng không mà không phân biệt, thì sở quán cũng thế. Vì cảnh sở quán phân biệt không, tức là Không phân biệt thì năng quán

cũng thế. Các phương tiện giáo sự lý không dung nhau, vì phân biệt có thể làm chướng lý không phân biệt. Viên giáo thì không thế, tất cả phân biệt tức là Không phân biệt, không phân biệt tức là phân biệt. Phân biệt tức không. Do đó văn trên có nói: Luôn khéo phân biệt các pháp tướng ở Đệ nhất nghĩa mà không động, tuy lại phân biệt nhưng chưa từng lìa không, do đó nói phân biệt cũng không. Lại nữa, ba cõi đều là vọng tướng phân biệt nên có. Nếu đều tức là Trung đạo pháp tánh nhất như không hai. Thì đây là phân biệt tức không, tức là Tịch quang vô phân biệt vậy.

Lần năm hỏi đáp “Lại hỏi... Trung cầu”. Hỏi: Không tìm ở đâu? Nói lý Không chẳng phân biệt này vi diệu huyền tuyệt, người tu phải tìm nó ở đâu? Ngài Tịnh Danh liền đáp phải tìm trong sáu mươi hai kiến. Ví Như có người mê, cho Nam là Bắc, không thể bỏ phương Bắc, mà cần phải trở về chỗ lầm là Bắc, để tìm phương Nam. Khi ngộ, thì trở về chỗ mê cho là Bắc, thì thấy phương Nam. Nay chúng sinh chưa ngộ tức Bồ-đề là phiền não, cho nên có sáu mươi hai kiến phiền não. Nếu ngộ tức phiền não là Bồ-đề, thì sáu mươi hai kiến chấp cho là chỗ phiền não, tức là Tịnh độ Thường tịch Bồ-đề Chân không vậy. Nay nói sáu mươi hai kiến, tuy có rất nhiều nguồn, nhưng gốc rễ của nó không ngoài hai kiến. Từ hai sinh ra bốn và trải ấm ba đời tức là sáu mươi hai vậy. Nên kinh Pháp Hoa có nói: “Hoặc hữu hoặc vô nương vào các kiến đầy đủ sáu mươi hai thứ.”

Phàm phu bốn giáo có năm thứ bốn kiến có, không:

1) Bốn kiến của phàm phu sinh ra sáu mươi hai thứ như vừa mới nói.

2) Bốn môn Tam tạng giáo chưa ngộ chấp trước tức là bốn kiến, như Đại luận nói: Nếu vào Tỳ-đàm tức đọa vào hữu, không môn, Côn lặc môn... đều đọa vào kiến.

3) Bốn môn của Thông giáo, nếu chưa được chân, chấp bốn trường hợp này (bốn cú) tức là bốn kiến. Như Đại luận nói: “Bát-nhã như lửa lớn, đốt nóng bốn bề không thể lấy.” Xem phẩm pháp ở Trung luận cũng có lời nói đó.

4) Bốn môn của Biệt giáo, như Đại kinh có nói: Sửa ví như Phật tánh bốn trường hợp. Nếu chưa thấy Phật tánh chấp bốn trường hợp này tức là bốn kiến.

5) Bốn môn Viên giáo, nếu chưa thấy tánh, chấp bốn trường hợp này cũng thành bốn kiến. Nên kinh Tư Ích nói rằng: Thật ngữ là hư ngữ, sinh ra ngữ kiến.

Cho nên trong Đại kinh nói: Từ đây trở về trước đều gọi là tà kiến. Lấy bốn giáo này trải qua tám ba đời và hai vô ngã, mỗi thứ cũng đều sinh sáu mươi hai kiến. Có người nói: Đại Tập có loại phân biệt này chưa được viết thành văn. Sở dĩ nêu năm thứ sáu mươi hai kiến này, là để thành lời đáp của ngài Tịnh Danh, cho nên nói phải tìm ở sáu mươi hai kiến. Nếu từ sáu mươi hai kiến của phàm phu và bốn kiến của Ta-ng, Thông mà tìm, thì được cái “đản không”, tức là kiến ở Đồng cư và hữu dư. Nếu từ bốn kiến của Biệt, Viên mà tìm, thì được kiến của cõi quả báo. Nếu ở bốn kiến của Viên giáo... mà tìm cho đến lìa tất cả kiến thanh tịnh Tịnh thiên, tức là kiến Tịch quang. Như mê Nam cho là Bắc, thì từ chỗ mê mà tìm, liền được thấy gốc. Nay muốn tìm lý, chỉ căn cứ vào kiến mà tìm liền được chẳng phân biệt Không, nhập vào Thường tịch quang. Nên đáp nói ở sáu mươi hai kiến mà tìm.

Lần sáu, hỏi đáp “Lại hỏi... trung cầu”. Hỏi sáu mươi hai kiến phải tìm ở đâu? Đây là nói các kiến điên đảo xưa nay vốn không thật, nương vào đâu để khởi mà tìm thấy các kiến. Ngài Tịnh Danh liền đáp: Phải tìm ở giải thoát của chư Phật. Vì sao? Vì các giải thoát của chư Phật tức là tâm Thanh tịnh, Trung đạo tự tánh, không bị phiền não vấy nhiễm, vốn không phải trói buộc hay giải thoát, không nhiễm hay nhiễm, khó thể biết rõ. Tức là chúng sinh mê chân tánh giải thoát, nên khởi sáu mươi hai kiến mà có trói buộc, có giải thoát. Kiến này, không phải ở chỗ khác khởi lên, tức do mê chân tánh giải thoát mà khởi. Nay muốn tìm thấy các kiến mê tình này, thì phải tìm ở chân tánh giải thoát của chư Phật, thì biết nguồn gốc chỗ khởi sáu mươi hai kiến. Như muốn tìm băng giá thì không được lìa nước.

Lần bảy, hỏi đáp “Lại hỏi... trung cầu”. Nếu muốn tìm sáu mươi hai kiến thì phải từ chân tánh giải thoát của chư Phật mà tìm, thì quả địa ba đức giải thoát của chư Phật phải tìm từ đâu? Ngài Tịnh Danh liền đáp: Phải tìm ở tâm hạnh chúng sinh. Văn trên có nói: “Tùy tâm tịnh thì cõi Phật tịnh.” Nay quán tâm của chúng sinh nhập vào trí bốn tánh thanh tịnh, tốt cùng nguồn cội chúng sinh, tức là hiển bày quả giải thoát của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Phá một vi trần sinh ra Đại thiên kinh quyển.” Nên Ban Chu Tam-muội có nói: Chư Phật từ tâm mà được giải thoát. Tâm là thanh tịnh gọi là vô cấu. Năm đạo tươi sạch không nhận màu sắc, hiểu được nghĩa này là thành đại đạo. Nên ngài Tịnh Danh khuyên tìm ở tâm hạnh chúng sinh. Như khuyên tìm băng thì không được lìa nước.

Hỏi: Tìm chân tánh giải thoát cũng được thật tuệ và phương tiện

chăng?

Đáp: Tâm tánh chúng sinh tức là chân tánh, si ái tức là thật tuệ, các hạnh bất thiện tức là phướng tiện, đầy đủ như trong huyền nghĩa nói về mười hai nhân duyên, ba thứ phi đạo thông suốt bất tư nghị, ba thứ Phật đạo giải thoát. Nếu thấy tâm chúng sinh tịnh tức cõi Phật tịnh, tức là ở tâm hạnh chúng sinh mà thấy ba thứ pháp thân giải thoát của Phật, không dọc không ngang, như chữ nhất ở đời. Do đó mà pháp thân cao tột, lìa thân không có cõi, lìa cõi không có thân. Thân cõi lý đồng, mà tên có khác. Như trời Đế Thích có nhiều tên, giải thoát cũng thế. Hoặc gọi là Tỳ-lô-giá-na, hoặc gọi là Thường tịch quang độ, nên thất trống của ngài Tịnh Danh biểu thị cho các Phật quốc là Không, chỉ đặt một giường để bệnh nằm, là biểu thị cho ba đức giải thoát. Nếu thấy thất trống, tức là thấy giường bệnh nằm. Nếu thấy giường bệnh nằm, tức là thấy thất trống. Nếu thấy tâm chúng sinh không, tức là thấy các Phật quốc không, tức là trong tâm hạnh mà tìm được ba giải thoát. Nên ngài Tịnh Danh nhân đáp Phật quốc tức không, vẫn đáp là giải thoát của chư Phật, thì lại giúp thành việc Phật nói chỉ thú giải thoát bất tư nghị, hiển bày tông chỉ Phật quốc, giúp Phật rộng hóa độ, chính ý là đây. Đến năm phẩm nói trong thất, tuy nói nhiều thứ, nhưng tóm tắt đường lối thì chỉ do đây mà ra.

Tiếp là phần đáp không có thị giả “Hựu nhân sở vấn...”, tức biểu thị cho tánh tịnh, không có các ái kiến, nên nói là Không có thị giả. Như người đời luôn hầu hạ ở hai biên, luôn chạy nhảy sai khiến, hầu hạ các thứ, chính là biểu thị việc này. Văn có hai: Chánh đáp và Giải thích.

- Chánh đáp: Tất cả các ma ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Ý đáp này, là Đại sĩ lấy ma và ngoại đạo làm thị giả. Nay thất trống không có thị giả, là biểu thị cho Thường tịch quang không có ái kiến, tức không có ma ngoại, nên không có thị giả. Nhưng có nghĩa hầu hạ là, nếu ở ba cõi có chúng sinh ái kiến, tức là ma ngoại, thì ngài Tịnh Danh chuyển dùng họ để làm Phật sự, lợi ích chúng sinh, tức là nghĩa hầu hạ. Nếu chúng sinh ái kiến ở ba cõi tức không, chẳng có gì cả, là Không có nghĩa hầu hạ. Nhưng ngài Tịnh Danh vì chúng sinh ở ba cõi đều có ái kiến nên thị hiện ở các cõi, tức là có hầu hạ. Nếu ở Đồng cư cõi uế tức có Ba-tuần quyền thuộc và thuộc ái chúng sinh đứng hầu bên hữu, chín mươi sáu thứ Lục Sư và thuộc kiến chúng sinh đứng hầu bên tả. Vì sao? Vì ngài Tịnh Danh ở Đồng cư cõi uế hiện các thứ thân, không buông bỏ các ái, hoặc làm ma vương điều phục quyền thuộc để làm Phật sự, mà ở kiến không động, hoặc làm ngoại đạo hồi tà quy chánh, điều phục quyền

thuộc của họ để cùng làm Phật sự. Đây tức là dùng ái kiến tạo chúng sinh làm người hầu. Thị hiện ở Đồng cư tịnh cũng thế, chỉ không có bọn ác ma ngoại. Nếu kiến ái ở cõi Hữu dư, thì hàng Nhị thừa và Bồ-tát Thông giáo, sinh vào cõi ấy có thiên định trí tuệ. Thiên định là tánh ái, trí tuệ là tánh kiến, cũng là ái kiến tội cấu nghiệp đời trước, nên không thấy cõi thanh tịnh của Như Lai. Ngài Tịnh Danh cũng ứng hiện sinh, đồng có ái kiến với họ mà điều phục giáo hóa, khiến làm Phật sự tức là kẻ hầu vậy. Nếu Bồ-tát Biệt, Viên, tuy có phước tuệ, nhưng chưa thấy Phật tánh, chưa đoạn hết vô minh, tức là do ái kiến tạo nên, thì cũng là ma ngoại. Cõi biến dịch ấy, tuy không có Thiên ma, nhưng có ma ưa sinh tử, làm nhiễm Niết-bàn, tức là ái, vì ái nên có biến dịch quả báo tức là ma vậy. Tuy không có ngoại đạo ngoài lý chân đế, mà có ngoại đạo ngoài lý Trung đạo. Đại sĩ đối với ái không bỏ, đối với kiến không động, mà hóa độ, tức lấy chúng làm thị giả. Nếu ở cõi quả báo bắt đầu từ sơ trụ, tuy thấy thật đế, viên đoạn các kiến tư pháp giới, nhưng chưa đoạn hết, cho đến vị pháp vân cũng còn có ái kiến vi tế, bị các hoặc vô ngã trói buộc, nên còn ở một phẩm Tử Ma. Ngài Tịnh Danh vì họ hiện sinh cõi ấy, điều phục Bồ-tát do ái kiến tạo nên này để làm quyến thuộc, tức đều là thị giả của tôi vậy. Nếu ở cõi Tịch quang rốt ráo, các nghiệp chiêu cảm y báo đều hết nên nói không, chẳng có gì, dứt hẳn chẳng có ái kiến chiêu cảm Chánh báo, nên nói là Không có thị giả, ấy là thất vọng không có thị giả, biểu thị xa vậy.

- Giải thích “Sở dĩ... bất động”, như đồng Cư sĩ lấy ái kiến ma ngoại làm thị giả, thì chúng sinh do ái kiến tạo nên ở ba cõi, cũng đều gọi là thị giả. Nếu ái kiến tức không, không bỏ không động, tức là Không có thị giả, tức không mà có ái kiến chúng sinh. Ngài Tịnh Danh không vướng vào Không buông không động mà điều phục, khiến đầy đủ tất cả các Phật pháp, tức có nghĩa thị giả. Cõi Tịch quang dứt hẳn không có ái kiến, tức không có ma ngoại, nên không có thị giả.

Phần c) Ngài Văn-thù hỏi tướng bệnh “Văn-thù...”. Có ba lần hỏi đáp:

Lần một, Hỏi thể tướng bệnh.

Lần hai, Hỏi dụng của bệnh.

Lần ba, Hỏi việc gây bệnh.

- Hỏi bệnh có những tướng gì, tức là hỏi thể tướng của bệnh. Sở dĩ hỏi, đã nói pháp thân thì các bệnh dứt hẳn, nhân đại bi mà hiện ra bệnh này. Bi tức là thể của bệnh. Có những tướng gì. Nếu có tướng nhất định thì luôn làm lợi ích, nếu không có tướng nhất định thì há có chỗ dùng.

Ngài Tịnh Danh đáp nói “Bệnh tôi không có hình tướng không thấy được.” Đây là nói pháp thân xưa nay không bệnh, vì đại bi thiện căn mà hiện ra bệnh này. Vô duyên đại bi không có nơi chốn, há lại có hình tướng. Nếu chúng sinh duyên với pháp duyên, có chỗ nương nhờ, thì có thể luận về hình tướng của nó. Nó đồng thể với đại bi không duyên không niệm, há lại thấy được. Như nam châm hút sắt, như bệnh hoạn của thân phàm phu còn không hình tướng, huống là pháp thân vô duyên mà thấy được ư? Cho nên đáp nói: Bệnh ta không hình tướng, không thể thấy, tức là đáp thể bệnh vậy.

- Hỏi về dụng của bệnh “Lại hỏi... như huyền”. Sở dĩ hỏi dụng của bệnh, ứng thân có bệnh quyền tức là dụng của bệnh. Tiến thoái hai thứ cùng hợp với pháp nào? Cùng hợp với thân Kim cang hay hợp với tâm trí tuệ. Nếu cùng hợp với thân, thì pháp thân phải có bệnh ấy. Nếu cùng hợp với tâm, thì tâm lực vô úy... phải có khổ. Đây là dựa theo nghĩa tấn hợp mà hỏi. Sở dĩ ước Kim cang làm sắc, trí tuệ làm tâm là trích từ Đại kinh. Phật đáp ngài Sư tử hồng. Nếu cùng thân chúng sinh hợp mà thân chúng sinh thật có bệnh, thì ứng thân phải thật có bệnh. Nếu cùng tâm chúng sinh hợp, mà tâm chúng sinh có thật khổ, nên ứng tâm cũng có thật khổ. Đây là ước nghĩa thối hợp mà hỏi. Nếu không cùng thân Kim cang và tâm trí tuệ hợp, thì vì sao lại gọi: Pháp thân khởi ứng từ đại bi sinh. Nếu không hợp với thân tâm của chúng sinh, thì sao lại nói ứng đồng bệnh ấy. Ngài Tịnh Danh đáp nói: Không phải hợp với thân, vì thân tướng vốn lìa. Như phàm phu bệnh hiện thấy không hợp cùng thân tâm, suy thân giả danh không thấy bệnh thật, chỉ có danh tự, mà danh tự thì không luận hợp hay không hợp. thân tướng vốn lìa nên tìm thật không được. Cho nên bệnh không hợp với thân cũng không hợp với tâm vì tâm như huyền, niệm niệm không dừng trụ, huống là ứng thân bệnh quyền mà hợp với thân Kim cang ư. Vì thân tướng vốn lìa, mà cùng hợp với tâm trí tuệ. Vì tâm như huyền, nên chỉ có danh tự. Ví như gương sáng, tất cả hình ảnh màu sắc đều hiện trong gương các hình ảnh này không hợp với gương. Vì sao? Nếu gương tròn đầy thì hình tượng cũng tùy tròn theo, nếu không tròn đầy thì phải biết hình ảnh không hợp cùng gương, cũng không hợp với hình. Vì sao? Vì ngoại đạo là hình thật còn hình ảnh này không thật. Hình không thật thì đâu thể thật hợp. Tuy không cùng gương hợp, nhưng nhân gương hiện ra ảnh, tuy không hợp cùng hình nhưng hình đối với gương thì ảnh sinh. Bệnh này cũng thế. Không hợp cùng thân Kim cang và tâm trí tuệ. Vì sao? Vì thân Kim cang vốn tướng lìa, tâm trí tuệ như huyền, vì tánh vốn không bệnh cũng

không cùng thân tâm phàm phu hợp nhau. Vì sao? Vì thân phàm phu vốn lìa, tướng bệnh không dừng, tâm thì như huyễn hóa bệnh ở vào đâu. Phàm phu thì bệnh thật, mà bệnh này lại quyền hiện tuy không cùng pháp thân và phàm phu hợp nhau, nhưng nhân đại bi khởi, mà có bệnh thật. Nên từ vô trụ vốn lập tất cả pháp mà hiện có bệnh ở ba cõi, nên lấy gương làm dụ.

- Hỏi việc gây bệnh “Lại hỏi... bệnh của ta”. Sở dĩ hỏi, là hễ có bệnh thì ước vào thân. Thân có bốn đại như bốn rắn độc lại tranh hại nhau. Đại Luận nói: Bốn rắn đui nhau luôn tàn hại nhau, một đại không điều hòa thì có một trăm lẻ một bệnh nào. Nên vẫn nói Bồ-tát vì chúng sinh có sinh tử, có sinh tử thì có bệnh. Vì sao? Vì ứng hiện chịu thân rắn độc này tức có bốn đại. Nay hiện thân có bệnh, thì đại nào bệnh. Ngài Tịnh Danh đáp nói: Không phải Địa đại. Nếu Địa đại là bệnh thì đất đá rừng cây cũng phải là bệnh. Nếu các thứ này... Không phải bệnh, sao được nói Địa đại là bệnh. Thủy, hỏa, phong cũng lại như thế. Bốn đại ngoại đạo không phải, thì bốn đại bên trong cũng thế. Lại nữa, nếu bốn đại là bệnh, thì những gì có bốn đại này đều phải là bệnh, đâu được nói hoặc có hoặc không. Nếu khi không bệnh thì phải Không có bốn đại. Tuy có bốn đại, nhưng có lúc không bệnh. Nên biết bệnh không phải bốn đại, cũng không lìa bốn đại, chỉ ước thân này được luận là có bệnh. Ví như nhân đích mà có tên trúng há lìa bốn đại mà riêng luận bệnh, nên nói không lìa địa đại. Ngài Tịnh Danh cũng thế. Tuy đồng bệnh thật hà tất phải đồng ngay bệnh khổ ư? Nên nói không phải bốn đại vậy. Không lìa, vì ngài Tịnh Danh là bệnh thật thế nên phải đồng lý do của ứng bệnh thành bệnh thật. Nên nói là Không lìa, tức là Không lìa để luận bệnh quyền vậy. Lại không phải địa đại, là như Thỉnh Quan Âm nói: Địa không có tánh bền chắc, tánh thủy không dừng, lửa từ duyên sinh, tánh gió không ngăn ngại mỗi mỗi đều nhập vào bờ mé như thật. Thật tế của bốn đại tức không phải bệnh, nên nói không phải bốn đại. Không lìa là chúng sinh không hiểu rõ bốn đại như thật, nên khởi các bệnh. Do đó mà ứng thân đồng bệnh bốn đại, nên nói không lìa. Cho nên ngài Tịnh Danh nói: Vì bệnh chúng sinh từ bốn đại khởi lên mà có bệnh. Thế nên tôi bệnh, là chúng sinh do bốn đại tạo nên, cũng hiện thân do bốn đại tạo nên. Vậy bốn đại tức là việc gây bệnh. Nay khắp ước ba cõi, nếu ba cõi có bệnh thì ngài Tịnh Danh có đại bi này. Thế của bệnh không hình tướng cũng như hư không, tuy lại hiện đồng nhưng không hợp nhau với thân tâm ba cõi. Việc tạo nên bệnh vốn do đại bi, nào có liên quan chi đến bốn đại, cũng không lìa bốn đại, nên sinh ở ba

cõi mà hiện bệnh quyền. Nên nói “thế nên tôi bệnh.” Cho đến tâm Kim cang ở vị pháp vân cũng thế.

Tiếp hỏi bệnh thật trong nhân “Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi...”. Sở dĩ hỏi tiếp, vì từ trước đến đây là bệnh quyền nhân đâu lại đồng bệnh thật, vì có bệnh thật nên bèn phương tiện hiện đồng sự để trị bệnh. Thế nào là vì chúng sinh bệnh thật mà nói pháp, thế nào là an ủi ủy dụ bệnh thật Bồ-tát. Văn có hai:

a) Hỏi về người tín hành.

b) Hỏi về người pháp hành. Vì sao?

Hỏi an ủi như thế nào? Ngài Tịnh Danh đáp dùng ba giáo để ủy dụ, tức là người tín hành. Từ đó lại hỏi làm sao điều phục. Ngài Tịnh Danh đáp: Dùng ba quán để điều phục, tức là người pháp hành. tín hành, tất phải nhờ ngoại duyên, luôn vì nói pháp, chỉ bày rõ ràng mới được ngộ, tức là hàng độn căn? Còn pháp hành thì không chuyên nhờ ngoại duyên, ít việc học hỏi nghe pháp, mà luôn quán hạnh để nhập đạo, tức là hàng lợi căn. Cũng chưa hẳn nhất định như thế, chỉ vì tín pháp hai hạnh xen nhau các Căn lợi độn, tánh chất không đồng. Ngài Văn-thù nhân đây đặt hai câu hỏi. Lại nữa, chúng sinh nhiều kiếp có lúc nghe pháp, có lúc tự tu, nên hỏi về ủy dụ và điều phục để xin nói ra ba giáo, ba quán. Nếu đem ba giáo mà thành kinh trên ở ngoài thất, tức là dùng Thông giáo để ủy dụ và từ Giả vào Không quán để điều phục, để thành việc nói pháp cho quốc vương, trưởng giả, chê trách hữu vi duyên tập. Nếu dùng Biệt giáo để ủy dụ, thì từ không vào Giả, quán để điều phục, mà thành việc chê trách vô vi duyên tập của mười đệ tử Phật. Nếu dùng Viên giáo mà ủy dụ, thì không giả một tâm ba quán, để điều phục là thành việc chê trách tự thể duyên tập của Bồ-tát. Nếu đem thành đoạn văn sau này, thì từ trên đã hỏi về bệnh quyền, lấy phẩm Bất Tư nghị làm gốc. Nay hỏi bệnh thật, nếu dùng Thông giáo mà ủy dụ và từ Giả vào Không để điều phục, thì lấy phẩm Quán Chúng Sinh làm gốc. Nếu dùng Biệt giáo để ủy dụ, từ không vào Giả để điều phục, thì lấy phẩm Phật Đạo làm gốc. Nếu dùng Viên giáo để ủy dụ, Trung đạo chánh quán để điều phục, thì lấy hai phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn và Hương Tích làm gốc. Nhưng chẳng dùng Tam tạng giáo, vì đây là nghĩa Ma-ha-diễn.

Khi chưa vào thất nói bốn giáo là để chiết phục chê trách việc mê đắm dục lạc của phàm phu Tiểu thừa. Nay vào thất nói ba giáo ba quán, chính vì muốn nhiếp thọ, phân biệt như trước. Nên biết một bộ kinh này nói ba quán bốn giáo, lời văn rất rõ ràng sáng tỏ, so trước nhìn

sau các nghĩa tương đương. Cùng một nhà dùng bốn giáo ba quán hơi giống. Cho nên trước ở huyền nghĩa đã nói đủ bốn giáo ba quán, ý là ở đây vậy. Lược xét đã xong.

* Nay ngài Văn-thù trước hỏi nói Bồ-tát ủy dụ Bồ-tát có bệnh như thế nào? Tức là mời nói giáo môn an ủi.

Ngài Tịnh Danh đáp “Duy-ma...”. Văn có bốn: Ba tức là ủy dụ của ba giáo và bốn là kết thành. Nay nói ba giáo là chỉ an ủi ủy dụ Bồ-tát không lấy hàng Nhị thừa, vì không từ bi mà nhập hẳn vào Niết-bàn. Nên nay dùng Tạng Thông cùng thành một giáo để ủy dụ, các bệnh hữu vi kiến tư nội giới chưa đoạn hết, Bồ-tát có bệnh thật nhân quả phần đoạn, cho nên cần Tam tạng giáo giúp Thông giáo Đại thừa mà ủy dụ. Cũng được gồm dùng Biệt, Viên mà ủy dụ. Nếu nói Biệt giáo chính là ủy dụ Bồ-tát có hữu vi, vô vi duyên tập, vì họ có bệnh thật nhân quả Vô tri biến dịch, nên phải dùng Biệt giáo mà ủy dụ. Nếu nói Viên giáo, chính là để ủy dụ Bồ-tát có tự thể duyên tập, vì họ có bệnh thật nhân quả tự thể, nên dùng Viên giáo mà ủy dụ.

Dùng Tạng, để giúp thông mà ủy dụ, là khuyên họ từ Giả vào Không quán tu tất cả trí tuệ nhãn. Văn có hai:

- a) Từ quả Giả vào Không.
- b) Từ nhân Giả vào Không.

Quả là thân năm ấm vọng hoặc do ba thứ giả có nên gọi là quả giả, tức là bốn hành trong khổ đế, vô thường đứng đầu.

Nói thân vô thường nhưng không nói chán lìa thân, là như Thanh văn quán thân vô thường, khởi chán lìa, mà bỏ xa sinh tử. Bồ-tát thì không thế. Họ quán thân vô thường hoặc tích hoặc thể để phá thường điên đảo, mà không nói chán lìa để phá tâm Nhị thừa Bồ-tát. Tuy biết vô thường niệm niệm tiêu mất nhưng chưa độ chúng sinh, chưa đủ Phật pháp thì trọn không buông bỏ.

Nói thân có khổ mà không nói ham thích Niết-bàn, là Thanh văn quán khổ thì ham cầu Niết-bàn. Bồ-tát thì không thế. Họ hoặc tích hoặc thể hiểu khổ là Không khổ, để phá chấp lạc điên đảo, nhưng chưa độ chúng sinh, chưa đủ Phật pháp, thì trọn không thể nhập Vô dư Niết-bàn.

Nói thân vô ngã mà nói giáo dẫn dắt chúng sinh, là Thanh văn quán thân vô ngã mà chứng diệt, không từ bi cứu độ chúng sinh. Bồ-tát thì không thế. Họ hoặc tích hoặc thể mà quán ngã giả nhập vào vô ngã, là phá mười sáu tri kiến chấp ngã điên đảo, không chấp nhận chúng sinh có tướng rất ráo không, nên hay vì chúng sinh mà nói pháp vô ngã,

như thế mà truyền dạy.

Nói thân không tịch mà không nói tịch diệt rốt ráo. Vì pháp Thanh văn nhập chân thì rơi vào tịch diệt, Bồ-tát thì không thế. Họ hoặc tịch hoặc thế nhập giả thật hai không, mà biết lý Trung đạo, không lấy thiên chân làm rốt ráo. Ấy là tuy còn từ Giả vào Không mà muốn vào Trung đạo làm dòng dõi không bỏ quần sinh. Cho nên vì Thanh văn quán khổ có khác, ý là ở đây vậy.

- Nói ủy dụ “Thuyết hồi... quá khứ) khiến quán nhân Giả vào Không. Nhân tức Tập đế, các kết nghiệp đều là nhân của khổ. Hàng Nhị thừa vì Niết-bàn chỉ đoạn gập các kiết mà không sám hối các tội đời trước. Vì ngài Thân Tử có tội nên không thấy Tịnh độ là ý ở đây vậy. Bồ-tát biết rõ tánh phiền não nên không vội vã đoạn kiết, mà vào ngay Niết-bàn, chỉ lấy sám hối làm đầu được tịnh các công đức nên ngài Loa Kế thấy tịnh, là ý ở đây vậy. Đây chính nói quán nhân Giả vào Không, nếu chỉ quán quả Giả vào Không thì không phải lia hoặc bốn trụ, mà tội xưa không trừ thì nói làm chướng pháp môn công đức hóa tha. Bồ-tát vì độ chúng sinh ắt cần phải trừ tội, nếu không còn oán đối tức có thể được giáo hóa. Nên Bồ-tát giới cấm sát làm đầu, còn Thanh văn giới thì cấm không trái phạm hạnh làm đầu, là ý ở đây. Nay nói Bồ-tát tu từ Giả vào Không mà sám hối tội quá khứ, cho nên nói sám hối tội trước. Như Tỳ-đàm nói ba đời có tội từ vị lai đến hiện tại nhập vào quá khứ thành dây nợ trói cột người tu. Hoặc Thành luận nói hai đời không tội chỉ tùy tâm ở hiện tại. Nay Bồ-tát quán vô sinh sám còn không có ba đời, huống là tội nhập vào quá khứ và ở hiện tại. Chỉ vì ở quá khứ điên đảo vọng tạo ra các tội. Nếu biết tâm ta tự không, tội phước không chủ, như đây mà sám hối thì các tội như sương móc bị mặt trời tuệ diệt trừ. Thế Giả vào Không phá các vọng tội tạo ra từ xưa, nên nói sám hối tội trước ba đời trống không, nên không nhập vào quá khứ.

Nói về dụng “Dĩ dĩ...”, nói dùng Biệt giáo mà ủy dụ vô vi duyên tập. Bồ-tát tự có bệnh thật nhân quả, hằng sa biệt hoặc, khiến từ không vào Giả quán phá vô tri, được pháp nhãn đạo chủng trí, thấy cơ nhập giả mà hóa vật. Văn có năm:

- a) Ủy dụ khuyên khởi Bi tâm.
- b) Khuyên pháp nguyện nhiều ích chúng sinh.
- c) Khuyên tu phước tuệ.
- d) Khuyên sinh tâm mạnh mẽ.
- e) Khuyên tinh tấn không lui sụt.

Nếu đủ năm điều này tức việc nhập giả quán đã thành, có thể lợi

ích cho tất cả.

Do biết bệnh mình mà thương xót bệnh người, nên trước khuyên khởi tâm bi. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa không có tâm Bi chỉ chìm đắm trong không mà hưởng vui. Bồ-tát ra khỏi giả nên cần khởi đại bi.

Hỏi: Bồ-tát tự mình có bệnh thì có thể thương người khác, mình đã không bệnh sao được thương người khác bệnh. Lại Biệt giáo tuy có vô minh trần sa cùng phần đoạn khác nhau, sao được lấy mình mà thương người khác?

Đáp: Đây có hai cách giải:

1. Bồ-tát khi đoạn bốn trụ chỉ có vô minh và tập liền nghĩ rằng: Ta nay bị bệnh vô minh còn thể hưởng chúng sinh cụ phước, sao có thể chịu được khổ nặng ở nội giới. Ấy là so mình nhẹ mà thương người nặng nên cần ra khỏi giả.

2. Giả bệnh vô minh thì nhẹ, bệnh bốn trụ là nặng, sao được lấy nhẹ mà thương nặng. Phải biết đời trước đã trải vô số kiếp khổ, vì việc khổ xưa mà thương xót tất cả. Như kẻ nghèo hèn được làm vua do biết rõ mọi khổ vui của người mà nghĩ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

b) Nói ủy dụ khuyên phát nguyện lớn, tức từ bi mà khởi thế nghĩ muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tức là nhập giả thắng duyên, nhớ nghĩ việc tu phước, luôn nghĩ đến tịnh mạng.

Nói ủy dụ khiến tu phước trí, khi đã vào Không thì không phước không mạng sống. Đây là nhập giả tu muôn hạnh, như trồng cây trên không trung. Tu phước, tức phước đức trang nghiêm, tịnh mạng tức trí tuệ trang nghiêm. Như Đại luận nói bốn thứ, năm thứ chánh mạng đều là việc này. Nếu không có chánh kiến thì tuệ mạng đều là, sao có thể thương người khác khiến không sinh ưu não.

Nói ủy dụ khuyên sinh tâm mạnh mẽ. Nghe sinh tử vô lượng kiếp mà ý mạnh mẽ. Tâm Thủ-lăng-nghiêm mới có thể vào Giả hóa độ chúng sinh. Nếu sợ sệt buồn khổ hoặc lui sụt thì rơi vào Nhị thừa. Nên nói chớ sinh ưu não phải khởi tinh tấn.

Ủy dụ khuyên tu tinh tấn: Bồ-tát có bệnh nếu muốn vào Giả, ắt cần tinh tấn không được nghỉ ngơi, chưa đủ Phật pháp Không được thủ chứng. Lại mới muốn gánh vác không nên biếng nhác. Đây tức là từ không vào Giả, lợi ích cho tất cả. Nếu nói không là chẳng có gì, không tu tinh tấn liền lui sụt rơi vào Nhị thừa, há có thể từ không vào Giả mà lợi ích cho tất cả. Nên làm vua thuốc trị lành các bệnh.

Nói dùng Viên giáo để ủy dụ. Bồ-tát có bệnh thật tự thể duyên tập thì khiến tu không giả, một tâm ba quán mà được pháp nhãn Nhất

thiết chủng trí. Nếu các phương tiện giáo thì đây không phải là thầy thuốc lớn, nên không gọi là vua. Viên giáo phát tâm làm ba đấng Viên quán của Phật, nếu được khai Phật tri kiến là Đại y vương, hay viên tập các pháp dược mà trị bệnh cho cả pháp giới. Nên nói làm vua thầy thuốc trị lành các bệnh, bệnh mình bệnh người đều lành tốt ráo. Văn ủy dụ này nói đủ ý bốn giáo ba quán, vì lược bỏ mà văn chưa sáng tỏ. Đến đoạn giải thích về ba quán sau này, thì văn mới sáng tỏ đầy đủ.

Kết thành “Bồ-tát... hoan hỷ”, tức là khuyên ba giáo để ủy dụ ba thứ Bồ-tát bệnh thật. Nếu nương vào giáo mà đoạn trừ ba thứ duyên trói buộc giải thoát về bệnh hoạn nhân quả ở ba cõi tức ai nấy đều vui mừng.
